TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05** /2020/DS-ST.
Ngày: 22/01/2020
V/v tranh chấp ‘‘Hợp đồng góp hụi’’.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tám.**

+ Ông **Võ Văn Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 369/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298A/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn C** (tên gọi khác Chú út Lớn), sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1976.(vắng mắt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ <u>Phần trình bày của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C</u>.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C và bà P là bà con lối xóm, nhà gần nhau. Thấy bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, và làm ăn rất uy tín, nếu ai hốt hụi thì giao đầy đủ, nên tin tưởng. Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2019 ông C tham gia góp nhiều dây hụi. Đến ngày 28/9/2019 bà P ngưng hụi và không trả lại tiền hụi cho ông C. Cụ thể như sau:

A - Hụi tháng: (một tháng khui một lần).

Dây 1: Khui ngày 20/4/2018(âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 2.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 20 phần, ông C góp 02 phần và góp được 17 kỳ hụi sống X 2.000.000đ X 2 phần = 68.000.000đ.

Dây 2: Khui ngày 15/7/2018 (âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 2.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 25 phần, ông C góp 02 phần và góp được 14 kỳ hụi sống X 2.000.000đ X 02 phần = 56.000.000đ.

Dây 3: Khui ngày 15/8/2018 (âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 27 phần, ông C góp 03 phần, Ông C góp được 14 kỳ hụi sống X 1.000.000đ X 03 phần = 42.000.000đ.

Dây 4: Khui ngày 10/01/2019 (âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 30 phần, ông C góp 03 phần, ông C góp được 08 kỳ hụi sống X 1.000.000đ X 03 phần = 24.000.000đ.

B - Hụi Mùa: (ba tháng khui 1 lần theo vụ lúa).

Dây 5: Khui ngày 25/3/2017 (âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 5.000.000đ, ba tháng khui một lần, dây hụi có 17 phần, ông C góp 01 phần và góp được 10 kỳ hụi sống X 5.000.000đ = 50.000.000đ.

Dây 6: Khui ngày 30/01/2019 (âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 5.000.000đ, ba tháng khui một lần, dây hụi có 16 phần, ông C góp 01 phần, và góp được 3 kỳ hụi sống X 5.000.000đ = 15.000.000đ.

Sau khi ngưng hụi tổng cộng bà P còn nợ ông C 4 dây hụi tháng và 02 dây hụi mùa tổng cộng là 255.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay ông C cũng chấp nhận trả lại cho bà P số tiền hoa hồng mà hai bên đã thỏa thuận là hụi 1.000.000đ tiền hoa hồng là 300.000đ/1 phần, hụi 2.000.000đ là 500.000đ/1 phần và hụi 5.000.000đ là 1.500.000đ/1 phần.

Cụ thể 06 phần hụi 1.000.000đ X 300.000đ/1 phần = 1.800.000đ; 4 phần hụi 2.000.000đ X 500.000đ = 2.000.000đ và 02 phần hụi 5.000.000đ X 1.500.000đ = 3.000.000đ. Tổng cộng là 6.800.000đ tiền hoa hồng.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu bà P trả toàn bộ số tiền hụi trên là 255.000.000đ – 6.800.000đ tiền hoa hồng. Còn lại là 248.200.000đ và yêu cầu một lần sau khi có hiệu lực pháp luật.

II/ <u>Phần trình bày của bị đơn bà Phạm Thị P</u>.

Bà Phạm Thị P dù được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của ông C đòi bà P trả tiền nợ 06 dây hụi là 255.000.000đ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của bà cũng như yêu cầu khởi kiện của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà P có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự.

Bà Phạm Thị P là bị đơn trong vụ án, mặt dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của ông C đòi bà P trả tiền nợ 06 dây hụi là 255.000.000đ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của bà cũng như yêu cầu khởi kiện của ông C. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông C trình bày do quen biết và là bà con lối xóm với nhau, biết bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi để hưởng hoa hồng và làm ăn có uy tín, nên ông C tin tưởng từ đầu năm 2017 đến nay ông C tham gia góp 04 dây hụi tháng và 02 dây hụi mùa. Đến ngày 28/9/2019 bà P tuyên bố ngưng hụi, mà không trả lại tiền hụi cho ông C. Nên ông C khởi kiện đòi bà P trả tiền 06 dây hụi, tổng cộng là 255.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay ông C đồng ý trừ lại 6.800.000đ tiền hoa hồng cho bà P. Còn lại là 248.200.000đ. Ông C cung cấp cho Tòa án 06 danh sách hụi viên, theo ông C khai là các danh sách hụi viên này bà P viết, ký tên và giao cho ông cất giữ ngay lúc ban đầu khi mở dây hụi. Còn bị đơn bà P vắng mặt không lý do và bà P cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, mặt dù được Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà P Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hụi của ông C và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần. Như vậy xem như bà P từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay ông C khai là sau khi bà P ngưng hụi nhiều hụi viên có đơn gởi UBND xã B yêu cầu hòa giải để bà P trả lại tiền hụi. UBND xã B có mời bà P nhiều lần, bà P có biết nhưng không đến nên không hòa giải được. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay ông C có cung cấp cho Tòa án lời khai của những người cùng tham gia góp hụi chung với ông gồm các ông (bà) Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị X và Nguyễn Văn T. Những người này cùng tham gia góp chung dây hụi với ông C do bà P làm đầu thảo đều xác định là ông C có tham gia góp 6 dây hụi do bà P làm đầu thảo nêu trên và khi ngưng hụi bà P không trả tiền hụi cho tất cả các hụi viên như ông C trình bày là đúng. Nhận thấy lời khai của những người này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, đến ngày 28/9/2019 đã ngưng hụi nhưng không trả tiền cho các hụi viên, hiện nay còn nợ ông C 6 dây hụi, tổng cộng là 255.000.000đồng, trừ tiền hoa hồng bà P được hưởng là 6.800.000đ. Còn lại là 248.200.000đồng.

-Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn ông C.

Nhận thấy theo ông C khai là khi góp hụi hai bên thỏa thuận: Người hụi viên phải góp hụi đầy đủ tiền hụi khi đến kỳ khui hụi và được nhận tiền hụi khi hốt hụi; Người làm đầu thảo phải có trách nhiệm giao đủ tiền cho hụi viên khi hụi viên hốt hụi và được hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Nhưng khi đang thực hiện hợp đồng góp hụi, ông C thực hiện đúng theo thỏa thuận đã cam kết ban đầu, thì bà P tuyên bố ngưng hụi và cũng không giao tiền hụi lại cho ông C. Cho thấy bà P là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cao kết ban đầu khi đang thực hiện hợp đồng góp hụi. Nay ông C đòi bà P phải trả lại toàn bộ tiền hụi là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần bà P trả cho ông C 248.200.000đ tiền nợ hụi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 29 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019.

- Căn cứ các Điều 28, 29, 30 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

- Buộc bà Phạm Thị P trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ 06 dây hụi là 248.200.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà P phải chịu 12.410.000 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm mười nghìn đồng). Hoàn lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí là 3.187.500 đồng (Ba triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0002581 ngày 12/11/2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn ông C được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG